

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/DS-PT
Ngày 15 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2428/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: số E, tổ A, đường N, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Diễm T1, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: tổ A, khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long

- **Bị đơn:** ông Hồ Hữu S, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: tổ A, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Hứa Tấn T2, sinh năm 2000 (có mặt)

Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Kỳ A, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 2 T, phường N, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn Đ – Công ty

L2 (có mặt)

Địa chỉ: 2 T, phường N, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị G, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: số F, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long

2/ Bà Hồ Thị Lang A1, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: tổ B, khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long

3/ Bà Hồ Thị Mỹ C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: D.GA-HWY-20- SWLO, VILLE, GA-30052 USA.

4/ Chị Hồ Bích T9, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

5/ Anh Hồ Tấn Đ1, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số E, tổ A, đường N, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Bà Vũ Thị Kim T4, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

7/ Chị Hồ Lê Nguyễn B, sinh năm 1998 (có mặt).

Cùng địa chỉ: tổ I, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long

8/ Anh Nguyễn Tiết T5, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Bà Mai Bích T6, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 N, phường N, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc B1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: B Tổ A, khóm D, phường B, tỉnh Vĩnh Long

10/ Chị Hồ Mai L, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số E, Đ, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ.

11/ Chị Hồ Kim N, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số D, N, phường N, thành phố Cần Thơ.

12/ Anh Hồ Hữu P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

13/ Anh Hồ Chí T7, sinh năm 1985 (chết năm 2024)

14/ Chị Hồ Thị Trúc L1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người kháng cáo:** Ông Hồ Hữu S, bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị Lang A1, ông Hồ Hữu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H và trong quá trình tham gia tố tụng bà Phạm Diễm T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cụ Hồ Mộng Đ2 (chết năm 2000) và cụ Nguyễn Thị T8 (chết năm 1993) là cha mẹ chồng của bà Nguyễn Thị Cẩm H, cụ Đ2 và cụ T8 có 08 người con chung, bao gồm:

- Ông Hồ Văn Q (chết năm 2019 là chồng của bà H); ông Q và bà H có 02 người con là Hồ Thị Bích T9 và Hồ Tấn Đ1.

- Ông Hồ Hữu N1 (chết năm 2011) có vợ là Mai Bích T6 và 02 người con là Hồ Mai L và Hồ Kim N.

- Ông Hồ Hữu P1 (chết năm 2019) có vợ đã ly hôn, có 03 người con là Hồ Hữu P, Hồ Chí T7 và Hồ Thị Trúc L1.

- Ông Hồ Quốc V (chết năm 2016) có vợ Vũ Thị Kim T4 đã ly hôn, có 02 người con là Nguyễn Tiết T5 và Hồ Lê Nguyễn B.

- Bà Hồ Thị Lang A1;

- Bà Hồ Thị G;

- Ông Hồ Hữu S;

- Bà Hồ Thị Mỹ C.

Cụ Đ2 và cụ T8 không có người thừa kế nào khác. Cụ Đ2 và cụ T8 chết để lại gồm có 03 thửa đất:

- Thửa số 38, tờ bản đồ số 61, diện tích 150,3m² đất thổ;

- Thửa số 62, tờ bản đồ số 8, diện tích 1334,8m² đất hai lúa;

- Thửa số 13, tờ bản đồ số 29, diện tích 2.651m² đất vườn;

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Hữu S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi cụ Đ2 và cụ T8 còn sống có cho vợ chồng bà H và ông Q làm một căn nhà xây tường thuộc một phần thửa đất số 38 ở cho đến nay, căn nhà có diện tích khoảng 48m². Cụ Đ2 và cụ T8 chết không để lại di chúc, di sản thừa kế chưa chia

cho ai. Sau khi cụ T8, cụ Đ2 chết thì ông Hồ Hữu S tự ý làm thủ tục sang tên toàn bộ các thửa đất nêu trên, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ2 và cụ T8 có nhiều người không ký tên cho ông S thừa kế, nhưng ông S vẫn làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất ông S không chịu tách phần đất có căn nhà cho bà H thuộc thửa 38. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Chia thừa kế di sản của cụ Đ2 và cụ T8 để lại đối với các thửa đất 38, 62 và thửa 13 nêu trên theo quy định của pháp luật; thửa 38 chia ngay phần đất có căn nhà của bà H và yêu cầu chia bằng hiện vật.

Tại phiên hòa giải ngày 18/4/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Diễm T1 đại diện cho bà H thay đổi yêu cầu: yêu cầu được nhận bằng giá trị kỷ phần thừa kế mà ông Q được hưởng trong di sản mà cụ T8 và cụ Đ2 để lại, không yêu cầu nhận hiện vật, giao toàn bộ các thửa đất 38, 62 và 13 cho ông S quản lý. Đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2024, trong đó đất ở đô thị 24.372.000đ/m², đất trồng cây lâu năm 2.308.000đ/m², đất trồng lúa 2.163.200đ/m². Đối với căn nhà của cụ Đ2 và cụ T8 để lại thuộc thửa 38 bà H không yêu cầu chia, đồng ý giao căn nhà cho ông S quản lý. Không yêu cầu khảo sát, đo đạc lại các thửa đất tranh chấp, vì phía bị đơn không hợp tác và bà H cũng không xác định được ranh đất để đo đạc. Yêu cầu chia theo diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Hữu S đối với thửa 62, diện tích 1334,8m² đất trồng lúa; thửa 13, diện tích 2.651m² đất vườn; thửa 38 chia theo kết quả đo đạc có diện tích 146,2m².

Bị đơn ông Hồ Hữu S có bà Hồ Thị Lang A1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Về cha mẹ, hàng thừa kế thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Cụ Hồ Mộng Đ2 và cụ Nguyễn Thị T8 chết có để lại tài sản bao gồm: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 61, diện tích 150,3m² đất thổ; Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8, diện tích 1334,8m² đất hai lúa; Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 29, diện tích 2651m² đất vườn. Cụ Đ2 chết năm 2000, sau khi cụ Đ2 chết ông Hồ Hữu S làm thủ tục thừa kế các thửa đất nêu trên, khi làm thủ tục thừa kế chính quyền địa phương nói chỉ cần những người có tên trong hộ khẩu mới ký tên. Ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm nào không nhớ. Hiện nay ông S đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không cầm cố, thế chấp cho ai. Ông S không đồng ý chia thừa kế đất của cha mẹ cho bất cứ anh em nào hết. Căn nhà và đất thuộc thửa số 38 dùng làm nơi thờ cúng ông bà, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 62 để lại khi người thân trong dòng họ có ai chết được chôn trên

đất. Bà Hồ Thị Lang A1 thống nhất kết quả đo đạc, không yêu cầu khảo sát, đo đạc, định giá lại các thửa đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Hồ Thị G trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị Lang A1, bà G không có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đ2 và cụ T8, thống nhất giao lại cho ông S quản lý sử dụng toàn bộ các thửa đất 38, 62 và 13 nêu trên.

- *Bà Hồ Thị Lang A1 trình bày:* Bà không có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đ2 và cụ T8, thống nhất giao lại cho ông S quản lý, sử dụng toàn bộ các thửa đất 38,62 và 13 nêu trên.

- *Ông Hồ Tấn Đ1 và bà Hồ Thị Bích T9 trình bày:* Ông, bà là con ruột của ông Q và bà H, thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H nêu trên, thống nhất giao kỹ phần thừa kế được hưởng cho bà H quản lý.

- *Bà Hồ Lê Nguyên B2 trình bày:* Bà B2 là con ông Hồ Quốc V có yêu cầu chia thừa kế di sản của ông, bà nội là cụ T8 và cụ Đ2 để lại đối với các thửa đất số 38, 62, 13 nêu trên theo quy định của pháp luật và đồng ý nhận bằng giá trị theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2024.

- *Ông Trương Quốc B1 đại diện hợp pháp của bà Mai Bích T6 trình bày:* Bà T6 là vợ ông Hồ Hữu N1, ông N1 không ký tên thừa kế đất cho ông S mà ông S vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó bà T6 yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đ2 và cụ T8 để lại đối với các thửa đất 38, 62 và 13 nêu trên. Chia theo quy định của pháp luật và nhận bằng giá trị theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2024.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 18/7/2025, bà Hồ Mai L và bà Hồ Kim N trình bày:* Các đương sự là con ruột của ông Hồ Hữu N1 và bà Mai Bích T6, nếu được chia thừa kế di sản của ông bà nội là cụ T8 và cụ Đ2 để lại thì các đương sự thống nhất công nhận cho mẹ ruột là Mai Bích T6 được hưởng, bà L và bà N không yêu cầu nhận riêng cho mình. Đồng thời xin được vắng mặt không tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án.

- *Bà Vũ Thị Kim T4 trình bày:* Bà chung sống với ông Hồ Quốc V năm 1989, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Bà và ông V có 02 người con là Hồ Lê Nguyễn B và Nguyễn Tiết T5 (ông T5 mang họ Nguyễn là do lúc ông T5 còn nhỏ bà cho ông T5 cho bà Hồ Thị Lang Anh N2 và ông T5 mang họ Nguyễn là họ của chồng bà A1). Lúc bà B được 14 tuổi, ông V đánh bà nên bà bỏ đi cho đến nay, nếu được chia thừa kế phần của ông V thì bà thống nhất giao lại

cho các con là bà B và ông T5 hưởng, bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Đồng thời bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đối với ông Hồ Chí T7 là con ông Hồ Hữu P1, nguyên đơn, bị đơn đều trình bày ông T7 chết năm 2024, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cũng như Ủy ban nhân dân xã nơi ông T7 sinh sống trước khi chết cung cấp giấy chứng tử của ông T7, nhưng không ai cung cấp cho Tòa án.

- Đối với bà Hồ Thị Trúc L1, ông Hồ Hữu P và ông Nguyễn Tiết T5, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho đương sự, nhưng không có ai nộp văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình để Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

Tòa án tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất tranh chấp 02 lần, nhưng chỉ đo đạc được thửa đất số 38, tờ bản đồ 61, diện tích đo đạc thực tế là 146,2m². Trên đất có 02 căn nhà, một căn là của cụ Đ2, cụ T8 để lại các đương sự không tranh chấp, một căn là của bà Nguyễn Thị Cẩm H có diện tích 18,2m². Giá trị căn nhà của bà H theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2024 có giá trị là 58.044.444 đồng.

Đối với thửa đất số 62, diện tích 1334,8m² đất hai lúa và thửa 13 diện tích 2651m² đất vườn (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), không đo đạc được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác và nguyên đơn không xác định được ranh đất.

Kết quả định giá: theo biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2024, giá đất ở đô thị là 24.372.000đ/m², đất trồng cây lâu năm 2.308.000đ/m², đất trồng lúa 2.163.200đ/m². Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất mức giá này không có ai khiếu nại hay yêu cầu định giá lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 22/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 133 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Bích T6 về việc chia thừa kế di sản của cụ Hồ Mộng Đ2 và cụ Nguyễn Thị T8 để lại đối với các thửa đất: Thửa số 38, diện tích 146,2m² đất ở đô thị; Thửa số 62, diện tích

1334,5m² đất chuyên trồng lúa nước và thửa số 13, diện tích 2650,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc phường B, tỉnh Vĩnh Long và chia bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Buộc bị đơn ông Hồ Hữu S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các đương sự sau đây:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 1.396.370.000đ (Một tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Bà Mai Bích T6 số tiền 1.396.370.000đ (Một tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Bà Hồ Thị Mỹ C 1.396.370.000đ (Một tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tạm giao kỷ phần của bà Hồ Thị Mỹ C với số tiền 1.396.370.000đ cho bị đơn ông Hồ Hữu S quản lý. Quyền nghĩa vụ của bà Hồ Thị Mỹ C được Tòa án giải quyết khi có yêu cầu.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Lê Nguyễn B.

Buộc bị đơn ông Hồ Hữu S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần thừa kế cho bà Hồ Lê Nguyễn B số tiền 679.706.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

3/. Công nhận cho ông Hồ Hữu S được quyền sử dụng các thửa đất số 38, 62, 13 hiện do ông S đang đứng tên trên giấy CNQSD đất và ông S liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký thửa đất số 38, diện tích 146,2m², đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất phường B, tỉnh Vĩnh Long theo quy định của pháp luật (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 10/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2025, các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hứa Tấn T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1 thống nhất trình bày: theo đơn xin xác nhận giá đất ngày 22/12/2025 cho thấy giá trị tài sản tranh chấp hiện nay thấp hơn rất nhiều so với giá đất cấp sơ thẩm áp dụng, gây thiệt hại cho ông S, nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày: tại bút lục số 61 thể hiện cha mẹ bị đơn có lập di chúc ngày 18/5/1993 để lại tài sản tranh chấp cho ông S, nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, giám định chữ ký để đánh giá chứng cứ này mà chia thừa kế theo pháp luật là không đúng. Mặt khác, qua lời khai của những người làm chứng cũng thể hiện ông Q còn có 01 người thừa kế khác chưa được đưa vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm H và đại diện theo ủy quyền trình bày: việc bỏ sót người thừa kế như trình bày của luật sư là không có căn cứ, những người làm chứng là người trong gia đình của ông S. Việc thẩm định giá của Tòa án cấp sơ thẩm đã được thực hiện đúng quy định. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Hồ Hữu P vắng mặt. Tuy nhiên, do ông P có cùng nội dung yêu cầu kháng cáo giống như bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét kháng cáo này khi giải quyết yêu cầu kháng cáo của các đương sự khác. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các bên đương sự trong vụ án đều thừa nhận thừa đất số 38, 62 và 13 tọa lạc tại phường B, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị T8 và Hồ Mộng Đ2 chết để lại. Sau khi cụ Đ2 chết, ông Hồ Hữu S là con út trong gia đình lập thủ tục thừa kế và ông S đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/3/2016.

Theo các tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 10/5/2004 thừa đất số 38, diện tích 150,3m², thừa số 62, diện tích 1334,8m² thể hiện ông S nhận thừa kế từ cha mẹ; thừa đất số 13, TĐĐ số 29, diện tích 2650,5m² đất trồng cây lâu năm không có thủ tục thừa kế, ông S được cấp giấy cùng ngày 22/3/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S thừa nhận khi ông làm thủ tục thừa kế thì ông Hồ Văn Q, ông Hồ Hữu N1 và bà Hồ Thị Mỹ C không ký tên thống nhất giao lại toàn bộ di sản cho ông S quản lý, sử dụng.

Đối với thừa đất số 13, TĐĐ số 29, diện tích 2650,5m², ông S cho rằng khi nhận thừa kế thừa đất này là đất trồng lúa, sau đó ông S chuyển mục đích sử dụng đất vườn; tuy nhiên ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/8/2001 ông S khai cha chết năm 2000 để lại thừa 13 (cũ) diện tích 2651m² đất vườn; sau đó ông S được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2004 là đất vườn. Do đó, ông S cho rằng thừa đất số 13 do ông là người thực hiện chuyển mục đích sử dụng từ đất lúa lên đất vườn là không có căn cứ.

Các thừa đất số 38, 62 và 13 nêu trên là di sản do cụ T8, cụ Đ2 chết để lại; ông S thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế không có ý kiến thống nhất của các đồng thừa kế khác là không đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Cẩm H,

bà Mai Bích T6 và bà Hồ Lê Nguyễn B yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản cụ T8, cụ Đ2 để lại theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P kháng cáo cho rằng thửa đất số 38 là nơi thờ cúng ông bà, các thửa đất số 62, 13 là nơi chôn cất thân tộc khi qua đời nên không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của bà H, bà T6 và bà B. Xét thấy, các thửa đất trên không được cụ T8, cụ Đ2 chỉ định là nơi thờ cúng, không được phân chia; các đồng thừa kế của cụ T8, cụ B cũng không có văn bản thỏa thuận thống nhất các di sản trên được sử dụng vào việc thờ cúng, chôn cất thân tộc. Mặt khác, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì thửa đất 38 hiện nay không ai ở, tại phiên tòa sơ thẩm, bà A1 và ông P thừa nhận đang treo bảng bán nhà; ông S thừa nhận hiện nay ông S có nhà riêng ở tỉnh Bạc Liêu cũ (nay là tỉnh Cà Mau) và ông S đang sinh sống ở đó. Do đó, ông S, bà G, bà A1, ông P không đồng ý chia thừa kế với lý do nhà đất sử dụng vào việc thờ cúng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về phân chia di sản:

Cụ T8 và cụ Đ2 chết không để lại di chúc; cụ T8 và cụ Đ2 có 08 người con, tương ứng mỗi người được nhận 01 kỷ phần bằng nhau. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông S là người có công sức trong việc quản lý, giữ gìn di sản nên được hưởng thêm 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi của ông S. Theo đó:

Giá trị của 03 thửa đất lần lượt là: Thửa số 38, diện tích $146,2\text{m}^2 \times 24.372.000\text{đ}/\text{m}^2 = 3.563.186.400$ đồng; Thửa số 62, diện tích $1.334,5\text{m}^2 \times 2.163.200\text{đ}/\text{m}^2 = 2.886.790.400$ đồng; Thửa số 13, diện tích $2.650,5\text{m}^2 \times 2.308.000\text{đ}/\text{m}^2 = 6.117.354.000$ đồng; tổng cộng: 12.567.330.800 đồng. Như vậy, mỗi kỷ phần tương ứng $12.567.330.800 \text{ đ} : 09 \text{ kỷ phần} = 1.396.370.000$ đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Mai Bích T6 không yêu cầu nhận hiện vật, chỉ nhận giá trị nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S phải hoàn trả cho bà H và bà T6, mỗi người 1.396.370.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Đối với bà Hồ Lê Nguyễn B2, do ông Hồ Quốc V – cha bà B2 ký tên đồng ý cho ông S hưởng 02 thửa đất số 38 và 62 nên chỉ được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 13, thửa đất số 13, diện tích $2650,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, tương ứng 679.706.000 đồng.

Đối với bà Hồ Thị Mỹ C là con của cụ Đ2 và cụ T8 đang định cư ở Hoa Kỳ, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài đối với bà C nhưng bà C không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Tòa án

cấp sơ thẩm tạm giao cho ông S quản lý giá trị phần di sản bà C được hưởng là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với các kỷ phần thừa kế của bà Hồ Thị Lang A1, ông Hồ Hữu P1 có ông Hồ Hữu P là con ông P1 thừa nhận ông P1 đã ký tên thừa kế cho ông S, nay ông P không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông bà nội để lại. Bà Hồ Thị G đồng ý tặng cho ông S kỷ phần thừa kế của mình; ông Hồ Quốc V đồng ý tặng cho ông S kỷ phần thừa kế của ông V tại thửa đất số 38, 62 nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho ông S được hưởng các phần thừa kế trên, tương ứng giá trị 7.698.514.800 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với căn nhà của bà H đang ở có phần diện tích 18,2m² (có giá trị là 58.044.444 đồng), nằm trên thửa đất số 38, bà H đồng ý dời nhà, trả đất lại cho ông S là tự nguyện, được Tòa án ghi nhận, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trong đó, bà Hồ Thị Lang A1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Hồ Hữu S, Hồ Thị G, Hồ Thị Lang A1, Hồ Hữu P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Hữu S, bà Hồ Thị G, ông Hồ Hữu P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0000724, 0000725, 0000727 cùng ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong. Bà Hồ Thị Lang A1 được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu VP (5), HS (1). 29b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng